

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định theo Quyết định số 512/QĐ-CT UBND ngày 20/3/2012 về việc phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2012-2015. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 4100258955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần 03 ngày 01/4/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 25/6/2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: BINHDINH WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt: BIDIWASSCO.

Công ty có Trụ sở chính tại: Số 146, Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

<u>Hội đồng Quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Châu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	01/4/2015	
Ông Đặng Đình Lân	Ủy viên Hội đồng Quản trị	01/4/2015	
Ông Lê Tiến Dũng	Ủy viên Hội đồng Quản trị	01/4/2015	
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Ủy viên Hội đồng Quản trị	01/4/2015	
Ông Âu Ban Đán	Ủy viên Hội đồng Quản trị	01/4/2015	31/10/2015
Ông Dương Tiến Dũng	Ủy viên Hội đồng Quản trị	01/11/2015	

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015 và cho đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Ban Giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Châu	Giám đốc	01/4/2015	
Ông Đặng Đình Lân	Phó Giám đốc	01/4/2015	
Ông Lê Tiến Dũng	Phó Giám đốc	01/4/2015	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành Viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Văn Châu
Giám đốc

Bình Định, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Số: 91/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, được lập ngày 29/02/2016, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue ink handwritten signature, likely belonging to Nguyễn Thị Mai Hoa.

Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

Mẫu B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/4/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.819.637.158	61.378.612.764
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.754.890.028	544.230.995
1. Tiền	111		1.226.514.364	544.230.995
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.528.375.664	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.067.546.056	34.714.156.088
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	29.944.062.635	30.008.049.693
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		576.978.000	145.582.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.658.220.768	4.560.524.395
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(111.715.347)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	19.923.710.826	23.813.306.939
1. Hàng tồn kho	141		19.923.710.826	23.813.306.939
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		73.490.248	2.306.918.742
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	73.490.248	2.306.918.742
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		348.328.588.330	1.021.948.615.346
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		168.017.511	168.017.511
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	168.017.511	168.017.511
II. Tài sản cố định	220		330.264.571.478	1.004.784.157.050
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	330.086.023.091	1.004.784.157.050
- Nguyên giá	222		568.173.305.208	1.217.011.894.061
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(238.087.282.117)	(212.227.737.011)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	178.548.387	-
- Nguyên giá	228		180.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.451.613)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		568.183.821	1.475.407.163
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	568.183.821	1.475.407.163
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.327.815.520	15.521.033.622
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	17.327.815.520	15.521.033.622
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		410.148.225.488	1.083.327.228.110

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/4/2015 VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		266.227.520.453	685.792.749.775
I. Nợ ngắn hạn	310		33.757.492.815	25.080.717.897
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	2.322.187.525	516.830.375
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		170.362.052	107.475.875
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.177.512.620	1.779.440.727
4. Phải trả người lao động	314		5.020.645.321	2.845.863.765
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	-	456.533.373
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	4.301.912.389	2.254.670.280
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	18.151.632.000	12.338.890.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.613.240.908	4.781.013.502
II. Nợ dài hạn	330		232.470.027.638	660.712.031.878
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.11	11.205.608.422	11.739.208.422
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	67.539.791.095	477.096.563.335
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	153.724.628.121	171.876.260.121
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		143.920.705.035	397.534.478.335
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	125.347.599.035	384.040.697.438
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		124.108.000.000	124.108.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		124.108.000.000	124.108.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	259.932.697.438
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		516.869.839	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		722.729.196	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		722.729.196	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		18.573.106.000	13.493.780.897
1. Nguồn kinh phí	431	5.15	-	13.493.780.897
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	5.16	18.573.106.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		410.148.225.488	1.083.327.228.110

Người lập biểu



Trần Nguyễn Hạnh Lan

Kế toán trưởng



Lê Thanh Cường

Bình Định, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Văn Châu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

Mẫu B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015Từ 01/4/2015
đến 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	99.655.050.564
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		44.260.496
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99.610.790.068
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	73.557.334.776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.053.455.292
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		234.975.877
7. Chi phí tài chính	22	5.19	4.238.834.181
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.238.834.181
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	6.030.679.751
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	9.320.138.880
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		6.698.778.357
11. Thu nhập khác	31		43.142.657
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		43.142.657
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.741.921.014
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	1.483.222.623
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.258.698.391
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	250

Bình Định, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Trần Nguyễn Hạnh Lan

Lê Thanh Cường

Nguyễn Văn Châu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

Mẫu B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến 31/12/2015

Từ 01/4/2015
đến 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		126.743.020.341
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(29.337.514.603)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(20.856.921.963)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(4.275.228.427)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(2.036.233.858)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.052.053.748
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(49.509.389.744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.779.785.494
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.454.907.272)
6. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		224.670.811
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.230.236.461)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.338.890.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.338.890.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50		8.210.659.033
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	544.230.995
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	5.1	8.754.890.028

Người lập biểu



Trần Nguyễn Hạnh Lan

Kế toán trưởng



Lê Thanh Cường

Bình Định, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Văn Châu

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Định, được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định theo Quyết định số 512/QĐ-CT UBND ngày 20/3/2012 về việc phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2012-2015. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 4100258955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần 03 ngày 01/4/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 25/6/2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: BINHDINH WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt: BIDIWASSCO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 04 là: 124.108.000.000đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm linh tám triệu đồng chẵn).

Công ty có Trụ sở chính tại: Số 146, Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (chi tiết: Duy tu, nạo vét và xử lý chất thải hệ thống thoát nước thành phố Quy Nhơn; hút và xử lý chất thải bể phốt hầm cầu);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Thiết kế công trình cấp thoát nước; giám sát lắp đặt thiết bị công trình cấp thoát nước; tư vấn lập dự án đầu tư);
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí (chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (chi tiết: Kiểm định đồng hồ đo nước);
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Sản xuất nước đá;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Xây dựng nhà các loại (chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: sản xuất và kinh doanh nước sạch.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị trực thuộc	Hoạt động chính
Xí nghiệp 1	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp 2	Sản xuất và kinh doanh nước sạch

1.4 KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015 và đây là kỳ đầu tiên hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (tiếp)

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (tiếp)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u> (Năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 30
Máy móc thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán, được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước là chi phí đầu nổi và duy trì đầu nổi bao gồm giá trị đồng hồ nước xuất dùng, chi phí nhân công, chi phí vật tư lắp đặt... đang được Công ty phân bổ từ 03 đến 05 năm căn cứ theo các văn bản sau:

- Nghị định số Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Quỹ tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến 31/12/2015 được xác định như sau:

- Quỹ tiền lương của Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là: 1.449 triệu đồng được xác định theo nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông;
- Quỹ tiền lương của người lao động là: 20.998 triệu đồng được xác định theo đơn giá tiền lương đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt;
- Quỹ tiền lương xây lắp tự làm: 2.029 triệu đồng: được quyết toán theo đơn giá xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phê duyệt.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng Cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng Cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B09 - DN****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
Tiền mặt	843.130	13.945.891
Tiền gửi ngân hàng	1.225.671.234	530.285.104
Các khoản tương đương tiền	7.528.375.664	-
Tổng	8.754.890.028	544.230.995

5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Tiền nước khối cơ quan (Đặng Hoàng Trung)	3.872.727.825	4.180.510.119
- Ban quản lý công trình giao thông	10.659.629.000	5.598.416.000
- Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định	5.765.832.000	7.421.523.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	9.645.873.810	12.807.600.574
Tổng	29.944.062.635	30.008.049.693

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/4/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	2.658.220.768	-	4.560.524.395	-
- Tạm ứng	2.498.947.245	-	3.331.009.840	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	66.053.168	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	4.713.310	-
- Phải thu khác	159.273.523	-	1.158.748.077	-
<i>Ban GPMB và phát triển</i>				
<i>Quỹ đất Bình Định</i>	-	-	1.091.957.160	-
<i>Đối tượng khác</i>	159.273.523	-	66.790.917	-
Dài hạn	168.017.511	-	168.017.511	-
- Phải thu khác	168.017.511	-	168.017.511	-
<i>Ban quản lý DA cấp nước</i>				
<i>và vệ sinh TP Quy Nhơn</i>	168.017.511	-	168.017.511	-
Tổng	2.826.238.279	-	4.728.541.906	-

5.4 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/4/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.205.699.110	-	19.026.003.238	-
Công cụ, dụng cụ	165.308.291	-	170.057.886	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	3.552.703.425	-	4.617.245.815	-
Tổng	19.923.710.826	-	23.813.306.939	-

5.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	73.490.248	2.306.918.742
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	73.490.248	2.306.918.742
Dài hạn	17.327.815.520	15.521.033.622
Chi phí thay thế thiết bị XN1, XN2	307.224.777	-
Chi phí thay thế đồng hồ năm 2013-2015	7.569.142.990	5.546.984.501
Chi phí lắp đặt hệ thống cấp nước cho các hộ dân năm 2012-2015	9.451.447.753	9.375.535.623
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	598.513.498
Tổng	17.401.305.768	17.827.952.364

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09 - DN

5.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/4/2015	82.063.601.925	67.174.984.104	1.064.953.341.322	2.555.720.990	264.245.720	1.217.011.894.061
Tăng trong kỳ	155.632.375.678	21.297.210.226	245.333.738.749	234.090.909	-	422.497.415.562
Mua trong kỳ	-	-	-	234.090.909	-	234.090.909
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.142.969.678	78.389.226	889.958.099	-	-	2.111.317.003
Nhận bán giao tài sản	154.489.406.000	21.218.821.000	243.067.133.000	-	-	418.775.360.000
Tặng khác	-	-	1.376.647.650	-	-	1.376.647.650
Giảm trong kỳ	183.426.528.000	65.653.363.160	821.119.113.255	1.137.000.000	-	1.071.336.004.415
Thanh lý, nhượng bán, tháo dỡ	-	-	47.922.483	-	-	47.922.483
Bản giao tài sản	183.426.528.000	65.653.363.160	821.071.190.772	1.137.000.000	-	1.071.288.081.932
Phân loại lại tài sản	-	654.224.218	-	(654.224.218)	-	-
Số dư tại 31/12/2015	54.269.449.603	23.473.055.388	489.167.966.816	998.587.681	264.245.720	568.173.305.208
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/4/2015	22.114.364.663	12.769.872.990	176.356.085.821	937.921.846	49.491.691	212.227.737.011
Tăng trong kỳ	3.165.280.107	2.633.912.527	22.942.700.916	52.958.143	40.862.058	28.835.713.751
Khấu hao trong kỳ	3.165.280.107	2.633.912.527	22.658.010.426	52.958.143	40.862.058	28.551.023.261
Tặng khác	-	-	284.690.490	-	-	284.690.490
Giảm trong kỳ	-	166.581.316	2.748.315.662	61.271.667	-	2.976.168.645
Thanh lý, nhượng bán	-	-	9.950.830	-	-	9.950.830
Giảm do bán giao tài sản	-	166.581.316	2.738.364.832	61.271.667	-	2.966.217.815
Số dư tại 31/12/2015	25.279.644.770	15.237.204.201	196.550.471.075	929.608.322	90.353.749	238.087.282.117
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/4/2015	59.949.237.262	54.405.111.114	888.597.255.501	1.617.799.144	214.754.029	1.004.784.157.050
Số dư tại 31/12/2015	28.989.804.833	8.235.851.187	292.617.495.741	68.979.359	173.891.971	330.086.023.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm kế toán VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/4/2015	-	-
Tăng trong kỳ	180.000.000	180.000.000
Mua trong kỳ	180.000.000	180.000.000
Số dư tại 31/12/2015	180.000.000	180.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/4/2015	-	-
Tăng trong kỳ	1.451.613	1.451.613
Khấu hao trong kỳ	1.451.613	1.451.613
Số dư tại 31/12/2015	1.451.613	1.451.613
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/4/2015	-	-
Số dư tại 31/12/2015	178.548.387	178.548.387

5.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	01/4/2015 VND
TT Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành	104.886.236	104.886.236
Lắp hàng rào B40 Ghềnh Ráng + kè TA3	-	640.570.909
Lỗ khoan mới giếng B2KT,G3,G8A,G8B	146.570.000	146.570.000
Thổi rửa, thay thế máy bơm xí nghiệp 1	-	281.490.000
Lắp đặt HTCN cho khách hàng bằng NVCT	114.571.725	-
Các công trình khác	202.155.860	301.890.018
Tổng	568.183.821	1.475.407.163

5.9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/4/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	2.322.187.525	2.322.187.525	516.830.375	516.830.375
Công ty TNHH Đạt Hòa	934.175.000	934.175.000	-	-
Công ty CP Hawaco	818.400.000	818.400.000	-	-
Các đối tượng khác	569.612.525	569.612.525	516.830.375	516.830.375
Tổng	2.322.187.525	2.322.187.525	516.830.375	516.830.375

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/4/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	31/12/2015 VND
Thuế và các khoản phải nộp	1.779.440.727	37.866.805.756	38.468.733.863	1.177.512.620
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	924.506.191	2.785.205.913	3.585.356.820	124.355.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	689.601.840	1.483.222.623	2.036.233.858	136.590.605
Thuế thu nhập cá nhân	15.790.000	266.147.846	68.089.000	213.848.846
Thuế tài nguyên	129.636.990	1.355.540.310	1.348.871.490	136.305.810
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17.276.599	-	17.276.599	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác, trong đó:	2.629.107	31.976.689.064	31.412.906.096	566.412.075
<i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt</i>	-	31.976.689.064	31.410.276.989	566.412.075
<i>Các khoản khác</i>	2.629.107	-	2.629.107	-

5.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/4/2015	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
Ngắn hạn	-	-	456.533.373	456.533.373
Chi phí lãi vay dự án 9TT	-	-	456.533.373	456.533.373
Dài hạn	11.205.608.422	11.205.608.422	11.739.208.422	11.739.208.422
Lãi vay trong ân hạn phải trả Ngân hàng Phát triển - CN Bình Định (khoản vay 110 tỷ)	11.205.608.422	11.205.608.422	11.739.208.422	11.739.208.422

5.12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015 VND	01/4/2015 VND
Ngắn hạn	4.301.912.389	2.254.670.280
Các khoản phải trả phải nộp khác, trong đó:	4.301.912.389	2.254.670.280
<i>Phòng kinh doanh - Phí bảo vệ môi trường</i>	2.403.343.440	-
<i>Cổ tức phải trả</i>	1.861.620.000	-
<i>Cán bộ nhân viên - Tiền trang phục</i>	-	1.302.000.000
<i>Phải trả phải nộp ngắn hạn khác</i>	36.948.949	952.670.280
Dài hạn	67.539.791.095	477.096.563.335
Các khoản phải trả phải nộp khác, trong đó:	67.539.791.095	477.096.563.335
<i>BQLDA cấp nước và vệ sinh Tp. Quy Nhơn(*)</i>	64.070.190.593	64.070.190.593
<i>Công ty CP Môi trường đô thị Quy Nhơn</i>	2.555.619.502	2.555.619.502
<i>Ban QLDA Vệ sinh môi trường TP Quy Nhơn</i>	495.376.000	410.052.148.240
<i>Quỹ đầu tư phát triển Bình Định</i>	418.605.000	418.605.000
Tổng	71.841.703.484	479.351.233.615

(*) Tài sản cố định nhận bàn giao từ BQLDA cấp nước và vệ sinh Tp. Quy Nhơn đang chờ Dự án được phê duyệt quyết toán hoàn thành để ghi tăng nguồn vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

Mẫu B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/4/2015		Trong kỳ		31/12/2015	
	Giá trị VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị VND
Vay ngắn hạn	12.338.890.000		18.151.632.000	12.338.890.000	18.151.632.000	18.151.632.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>12.338.890.000</i>		<i>18.151.632.000</i>	<i>12.338.890.000</i>	<i>18.151.632.000</i>	<i>18.151.632.000</i>
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh Tp. Quy Nhơn - khoản 110 tỷ đồng (1)	2.037.900.000		5.706.125.000	2.037.900.000	5.706.125.000	5.706.125.000
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh Tp. Quy Nhơn - khoản 13 tỷ đồng (2)	351.504.000		703.008.000	351.504.000	703.008.000	703.008.000
Ngân hàng Phát triển - CN Bình Định - Dự án 9 TT (3)	4.414.486.000		4.414.486.000	4.414.486.000	4.414.486.000	4.414.486.000
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Bắc sông Hà Thanh - giai đoạn 1, 2 (4)	139.500.000		134.013.000	139.500.000	134.013.000	134.013.000
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Nhom Hội (5)	4.941.000.000		6.588.000.000	4.941.000.000	6.588.000.000	6.588.000.000
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Nhom Phước (6)	454.500.000		606.000.000	454.500.000	606.000.000	606.000.000
Vay dài hạn	171.876.260.121		-	18.151.632.000	153.724.628.121	153.724.628.121
<i>Từ 60 tháng trở lên</i>	<i>171.876.260.121</i>		<i>-</i>	<i>18.151.632.000</i>	<i>153.724.628.121</i>	<i>153.724.628.121</i>
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh Tp. Quy Nhơn - khoản 110 tỷ đồng (1)	75.402.460.600		-	5.706.125.000	69.696.335.600	69.696.335.600
Ngân hàng Phát triển- CN Bình Định dự án Cấp nước và Vệ sinh Tp. Quy Nhơn - khoản 13 tỷ đồng	7.733.107.721		-	703.008.000	7.030.099.721	7.030.099.721
Ngân hàng Phát triển - CN Bình Định - Dự án 9 TT (3)	55.787.717.000		-	4.414.486.000	51.373.231.000	51.373.231.000
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Bắc sông Hà Thanh - giai đoạn 1,2 (4)	843.277.000		-	134.013.000	709.264.000	709.264.000
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Nhom Hội (5)	27.964.697.800		-	6.588.000.000	21.376.697.800	21.376.697.800
Quý Đầu tư phát triển - CN Bình Định - Dự án Nhom Phước (6)	4.145.000.000		-	606.000.000	3.539.000.000	3.539.000.000
Tổng	184.215.150.121		18.151.632.000	30.490.522.000	171.876.260.121	171.876.260.121

5.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ghi Chú:

- (1) Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA số 507V.000.102 ngày 18/6/2008 với Ngân hàng Phát triển - chi nhánh Bình Định. Số tiền vay 110.046.760.600 đồng, thời hạn vay 25 năm, lãi suất vay 5%/năm (bao gồm phí quản lý 0,2%), lãi phạt 150% lãi suất vay trong hạn. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước và Vệ sinh thành phố Quy Nhơn.
- (2) Khế ước nhận nợ vay nguồn vốn ODA số 507V.000.050 ngày 11/01/2010 với Ngân hàng Phát triển - chi nhánh Bình Định. Số tiền vay 13.708.675.721 đồng, thời hạn vay 25 năm, lãi suất vay 0%/năm, phí quản lý 0,2%/năm. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước và Vệ sinh thành phố Quy Nhơn;
- (3) Khế ước nhận nợ khung vay nguồn vốn ODA với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định ngày 10/10/2006, với số tiền vay là 5.323.312 USD, đồng tiền vay và nhận nợ là đồng Việt Nam. Lãi suất vay 3%/năm, phí cho vay 0,2%/năm. Khoản vay đầu tư cho dự án Cấp nước 9 thị trấn tỉnh Bình Định theo Hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước Bình Định tháng 4/2006.
- (4) Hợp đồng vay vốn số 28/2007/HĐTD ngày 27/12/2007 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 900.000.000 đồng, thời hạn vay 132 tháng, ân hạn 12 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ quý 1/2009. Khoản vay đầu tư Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư B - Đảo 1, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 1).

Hợp đồng vay vốn số 09/2009/HĐTD ngày 25/12/2009 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 03/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 901.264.000 đồng, thời hạn vay 132 tháng, ân hạn 12 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ tháng 02/2012. Khoản vay đầu tư Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư B - Đảo 1, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 2).

Phụ lục Hợp đồng số: 03/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 27/01/2015 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 09/2009/HĐTD ngày 25/12/2009: thời hạn cho vay: 176 tháng, kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay; thời hạn trả gốc: 114 tháng; thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: tháng 02/2015; kỳ hạn trả nợ gốc: 3 tháng.

- (5) Hợp đồng vay vốn số 34/2006/HĐTD ngày 28/11/2006 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 04/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 34.552.697.800 đồng, thời hạn vay 156 tháng, lãi suất vay 0%/năm, trả nợ gốc từ tháng 01/2012. Khoản vay đầu tư hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (giai đoạn 1).

Phụ lục Hợp đồng số: 02/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 27/01/2015 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 34/2006/HĐTD ngày 28/11/2006: thời hạn cho vay: 160 tháng, kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay. Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: 1/2015. Thời hạn trả nợ gốc: 63 tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng.

- (6) Hợp đồng vay vốn số 01/2008/HĐTD và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 02/2011/HĐĐC ngày 07/11/2011 với Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Định. Số tiền vay 4.650.000.000 đồng, thời hạn vay 156 tháng, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay đầu tư hệ thống cấp nước khu tái định cư Nhơn Phước (giai đoạn 1).

Phụ lục Hợp đồng số: 04/2015/PLHĐ-QĐTPT ngày 27/01/2015 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐTD ngày 28/02/2008: thời hạn cho vay: 176 tháng, kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên đến khi hoàn trả hết nợ vay; thời hạn trả gốc: 92 tháng; thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: tháng 3/2015; kỳ hạn trả nợ gốc: hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B09 - DN****5.14 VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU****a. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	79.856.120.000	79.856.120.000
Các cổ đông khác	44.251.880.000	44.251.880.000
Tổng	124.108.000.000	124.108.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09 - DN

5.14 VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

b. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	124.108.000.000	259.932.697.438	-	-	384.040.697.438
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	9.588.983.175	9.588.983.175
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(9.588.983.175)	(9.588.983.175)
Số dư tại 31/3/2015	124.108.000.000	259.932.697.438	-	-	384.040.697.438
Số dư tại 01/4/2015	124.108.000.000	259.932.697.438	-	-	384.040.697.438
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	5.258.698.391	5.258.698.391
Tăng do nhận bán giao tài sản	-	2.011.550.000	-	-	2.011.550.000
Phân phối quỹ	-	-	516.869.839	(2.584.349.195)	(2.067.479.356)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(1.861.620.000)	(1.861.620.000)
Thù lao HĐQT	-	-	-	(90.000.000)	(90.000.000)
Giảm do bán giao tài sản	-	(248.190.633.438)	-	-	(248.190.633.438)
Giảm khác (**)	-	(13.753.614.000)	-	-	(13.753.614.000)
Số dư tại 31/12/2015	124.108.000.000	-	516.869.839	722.729.196	125.347.599.035

(*) Tạm chia cổ tức theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số: 02/BB-HĐQT ngày 14/01/2016.

(**) Chuyển Tài sản cố định do nhận bán giao tài sản cố định sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa được đầu tư từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước sang theo dõi ở chỉ tiêu Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.14 VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Từ 01/4/2015
 đến 31/12/2015
VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp đầu kỳ	124.108.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	124.108.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-
Cổ tức	
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	VND/Cổ phiếu
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-

d. Cổ phiếu

Tại ngày 31/12/2015

	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.410.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.410.800
Cổ phiếu phổ thông	12.410.800
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-
Cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.410.800
Cổ phiếu phổ thông	12.410.800
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000

5.15 NGUỒN KINH PHÍ

Từ 01/4/2015
 đến 31/12/2015
VND

Số dư đầu kỳ	13.493.780.897
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	7.108.214.870
Nguồn kinh phí nộp lại NSNN	20.351.966.856
Nguồn kinh phí để lại phục vụ công tác thu phí	250.028.911
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	-

Thực hiện Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, kể từ ngày 01/4/2015, Công ty được để lại (3,5%) số phí thu được để chi phục vụ công tác thu, số phí còn lại (96,5%) được nộp toàn bộ vào Ngân sách tỉnh. Đối với phần phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định thu được từ ngày 31/3/2015 trở về trước: Sau khi trừ đi các chi phí hợp lý theo quy định, phần còn lại nộp toàn bộ vào Ngân sách tỉnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.16 NGUỒN KINH PHÍ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	31/12/2015	01/4/2015
	VND	VND
Tài sản cố định nhận bàn giao từ UBND tỉnh Bình Định	18.573.106.000	-

5.17 DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015
	VND
Doanh thu bán hàng	90.658.698.666
Doanh thu cung cấp dịch vụ (công ích)	394.194.545
Doanh thu hoạt động xây lắp	8.602.157.353
Tổng	99.655.050.564

5.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015
	VND
Giá vốn bán hàng	66.955.041.837
Giá vốn cung cấp dịch vụ (công ích)	284.063.042
Giá vốn hoạt động xây lắp	6.318.229.897
Tổng	73.557.334.776

5.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015
	VND
Chi phí lãi vay	4.238.834.181
Tổng	4.238.834.181

5.20 CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015
	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	9.320.138.880
Chi phí nhân công	6.478.197.596
Chi phí đồ dùng văn phòng	432.205.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	469.866.633
Thuế, phí, lệ phí	87.309.728
Chi phí dự phòng	111.715.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.376.780
Chi phí khác bằng tiền	1.625.467.342
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	6.030.679.751
Chi phí nhân công	2.375.811.534
Chi phí thay đồng hồ và lắp đặt hệ thống cấp nước cho các hộ dân	3.296.589.217
Các khoản chi phí bán hàng khác	358.279.000
Tổng	15.350.818.631

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.21 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.171.521.566
Chi phí nhân công	24.760.271.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.488.182.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.827.115.266
Chi phí khác bằng tiền	9.661.062.486
Tổng	88.908.153.407

5.22 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.483.222.623
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.483.222.623

5.23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.258.698.391
Các khoản điều chỉnh giảm, trong đó:	2.157.479.356
+ Trả thù lao hội đồng quản trị không điều hành	90.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.067.479.356
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.101.219.035
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	12.410.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	250

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch với bên liên quan**

	Từ 01/4/2015 đến 31/12/2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.161.000.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	288.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/4/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.754.890.028	544.230.995
Phải thu khách hàng ngắn hạn	29.944.062.635	30.008.049.693
Phải thu khác ngắn hạn	2.658.220.768	4.560.524.395
Phải thu dài hạn khác	168.017.511	168.017.511
Tổng	41.525.190.942	35.280.822.594
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn	2.322.187.525	516.830.375
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	456.533.373
Phải trả khác ngắn hạn	4.301.912.389	2.254.670.280
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.151.632.000	12.338.890.000
Chi phí phải trả dài hạn	11.205.608.422	11.739.208.422
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	153.724.628.121	171.876.260.121
Tổng	189.705.968.457	199.182.392.571
Trạng thái ròng	(148.180.777.515)	(163.901.569.977)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
31/12/2015			
Vay và nợ thuê tài chính	18.151.632.000	153.724.628.121	171.876.260.121
Phải trả người bán	2.322.187.525	-	2.322.187.525
Chi phí phải trả	-	11.205.608.422	11.205.608.422
Phải trả khác	4.301.912.389	-	4.301.912.389
Tổng	24.775.731.914	164.930.236.543	189.705.968.457
01/4/2015			
Vay và nợ thuê tài chính	12.338.890.000	171.876.260.121	184.215.150.121
Phải trả người bán ngắn hạn	516.830.375	-	516.830.375
Chi phí phải trả	456.533.373	11.739.208.422	12.195.741.795
Phải trả khác ngắn hạn	2.254.670.280	-	2.254.670.280
Tổng	15.566.924.028	183.615.468.543	199.182.392.571

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương	8.754.890.028	-	8.754.890.028
Phải thu khách hàng	29.944.062.635	-	29.944.062.635
Phải thu khác	2.658.220.768	168.017.511	2.826.238.279
Tổng	41.357.173.431	168.017.511	41.525.190.942
01/4/2015			
Tiền và các khoản tương đương	544.230.995	-	544.230.995
Phải thu khách hàng	30.008.049.693	-	30.008.049.693
Phải thu khác	4.560.524.395	168.017.511	4.728.541.906
Tổng	35.112.805.083	168.017.511	35.280.822.594

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

7. THÔNG TIN SO SÁNH

Đây là kỳ hoạt động đầu tiên Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần. Do đó không có thông tin so sánh.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 29 tháng 02 năm 2016
Giám đốc



Trần Nguyễn Hạnh Lan

Lê Thanh Cường

Nguyễn Văn Châu



